TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ H CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/DS-PT.
Ngày: 31/5/2022.
V/v:"Yêu cầu mở lối đi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ H CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần H đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Thạo, ông Nguyễn Văn Ngữ.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hương Mai –Thư ký Toà án nhân dân tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B: Ông Nguyễn Đức Sơn– Kiểm sát viên.

Ngày 31/12/2021 và ngày 31/5/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2021/TLPT- DS ngày 22/10/2021 về việc: "*Yêu cầu mở lối đi*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 03/8/2021 của Toà án nhân dân huyện S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 134/2021/QĐ-PT ngày 15/11/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 190/2021/QĐ-PT ngày 01/12/2021 giữa:

- Nguyên đơn: Bà La Thị T, sinh năm 1970, ông Hoàng Văn M, sinh năm 1966 (đều có mặt)

Địa chỉ: Thôn Lái, xã An Bá, huyện S, tỉnh B.

- Đồng bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1958 và bà Hoàng Thị B, sinh năm 1961 (vắng mặt).

2. Ông Mông Văn P, sinh năm 1962 và bà Trần Thị K, sinh năm 1964 (vắng mặt).

3. Ông Hoàng Văn P (tên gọi khác Hoàng Xuân P), sinh năm 1962 và bà Lý Thị B, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Đều tại địa chỉ: Thôn Lái, xã An Bá, huyên S, tỉnh B.

Những người có Q lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà La Thị N, sinh năm 1952 (vắng mặt).

2. Ông Dương Văn Q, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Đều tại địa chỉ: Thôn Lái, xã An Bá, huyên S, tỉnh B.

Người kháng cáo: bà La Thị T và ông Hoàng Văn M là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà La Thị T và ông Hoàng Văn M trình bày*:*

Gia đình ông bà được UBND huyện S, tỉnh B giao một mảnh đất lâm nghiệp thuộc lô 11, khoảnh 8 khu Khe Mấy, thôn Lái, xã An Bá, huyện S diện tích 27.000m^2 (2,7ha). Mảnh đất trên đã được giấy CNQSDĐ lâm nghiệp (Sổ bìa xanh) ngày 15/6/1996, đến 31/01/1999 cấp đổi sang giấy CNQSD đất (sổ bìa đỏ) đúng lô, khoảnh và diện tích đất ông bà đã nhận. Đất lâm nghiệp của gia đình ông bà được giao nằm ở phía trong bị bao quanh các mảnh đất lâm nghiệp của các hộ dân khác, không có lối đi nào giáp đường. Muốn đi từ đất lâm nghiệp gia đình ông bà ra đường liên thôn thì có một lối mòn đi bộ rộng khoảng 1m đến 2m nằm theo khe nước chảy giáp đất lâm nghiệp gia đình ông Hoàng Văn P, bà Lý Thị B; giáp đất lâm nghiệp gia đình ông Mông Văn Lợi đứng tên Mông Văn Chung chủ sử dụng đất, hiện tại đất lâm nghiệp của gia đình ông Lợi, gia đình ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị B là người trực tiếp quản lý; giáp đất lâm nghiệp của gia đình ông Mông Văn P, bà Trần Thị K thì mới đi được ra đường liên thôn giáp bờ sông. Sau khi gia đình ông H nhận chuyển nhượng đất lâm nghiệp của gia đình ông Mông Văn Lợi, ông H đã đào ao và trồng cây keo trên lối mòn giáp khe nước chảy. Sau đó gia đình ông P cũng trồng cây Keo trên lối mòn, nên lối mòn hiện không đi lại được mà chỉ còn khe nước chảy, do vậy ông bà vẫn phải đi nhờ qua đất lâm nghiệp của các hộ dân chung quanh để đi vào đất lâm nghiệp của gia đình. Khoảng năm 2014, ông bà đã đến gia đình ông H nói chuyện với nội dung cho vợ chồng bà đóng góp tiền để được đi cùng lối đi trong đất lâm nghiệp gia đình ông H mở trên đất lâm nghiệp gia đình ông P và mở trên đất lâm nghiệp gia đình ông H đang quản lý, nhưng ông H không nhất trí. Đến năm 2018, khi có nhu cầu khai thác cây Keo trồng trên đất lâm nghiệp thì gia đình ông bà không có lối đi để chở Keo ra. Do vậy ông bà đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc gia đình ông Mông Văn P, gia đình ông Nguyễn Văn H, gia đình ông Hoàng Văn P là những hộ có đất lâm nghiệp phía bên ngoài đất lâm nghiệp gia đình ông bà phải cho gia đình ông bà đi trên đất lâm nghiệp của gia đình các ông đang sử dụng, là lối đi ông P, ông H đã mở trên đất lâm nghiệp và đang sử dụng vận chuyển cây Keo. Yêu cầu gia đình ông P mở lối đi trên đất lâm nghiệp gia đình ông nối vào lối đi của ông P và ông H đã mở.

Vợ chồng ông bà đề nghị được mở lối đi đúng như Tòa án cùng H đồng thẩm định đã tiến hành xem xét thẩm định và định giá, cụ thể lối đi do gia đình ông H và ông P đã mở để ô tô chở Keo đi qua đất lâm nghiệp cấp cho hộ ông Mông Văn P thuộc lô 6 khoảnh 8, khu vực Khe Mấy, thôn Lái, xã An Bá, huyện S có chiều rộng là 3,5m diện tích là 473m^2, lối đi qua đất lâm nghiệp gia đình cấp cho họ ông Mông Văn Chung, hiện do gia đình ông Nguyễn Văn H quản lý chiều rộng 3,5m diện tích 524m^2 thuộc lô 8 khoảnh 8, khu vực Khe Mấy, thôn Lái, xã An Bá, huyện S; lối đi qua đất lâm nghiệp cấp cho hộ ông Hoàng Văn Hơn (tức Hoàng Văn P) hiện gia đình ông Hoàng Văn P đang quản lý chưa có lối đi chiều rộng 3,5m diện tích là 96m^2 thuộc lô 14 khoảnh 8, khu vực Khe Mấy, thôn Lái, xã An Bá, huyện S. Đối với lối mòn giáp rạch nước chảy ông M, bà T không đề nghị Tòa án xem xét vì theo ông bà nếu mở lối đi theo rạch nước chảy rất khó khăn. Lối đi trong đất lâm nghiệp của gia đình ông P, đình ông H đã mở sẵn và ông bà sẽ trả tiền giá trị diện tích đất lâm nghiệp và tiền công gia đình ông H, ông P đã thuê máy múc san gạt mở đường và giá trị diện tích đất lâm nghiệp gia đình ông P khi mở lối đi. Ông M bà T xác định ngoài lối mòn giáp rạch nước chảy và lối đi mà vợ chồng ông bà yêu cầu các gia đình ông H, ông P, ông P mở đường thì đi vào đất lâm nghiệp gia đình ông bà còn một lối đi do 21 hộ dân mở đến giáp đất ông bà đang quản lý nhưng lối đi này không thuận lợi, đi vào đất lâm nghiệp của ông bà bị dốc ngược. Do vậy ông M, bà T không đề nghị Tòa án xem xét về lối mòn theo rạch nước chảy, không đề nghị xem xét giải quyết về lối đi do 21 hộ dân mở đường.

2. Các bị đơn trình bày:

2.1. Vợ chồng ông vợ chồng ông Mông Văn P và bà Trần Thị K trình bày:

Gia đình ông bà có một mảnh đất lâm nghiệp đã được cấp giấy CNQSDĐ số sổ: P 087255 do UBND huyện S cấp ngày 31/01/1999, thuộc lô 6, khoảnh 8 ở khu Khe Mấy, thôn Lái, xã An Bá, huyện S diện tích 2ha (20.000m^2). Từ khoảng năm 1995 đến năm 1996 muốn đi vào đất lâm nghiệp gia đình ông Hoàng Văn M, bà La Thị T thì phải đi theo lối mòn rạch nước chảy giáp đất lâm nghiệp gia đình ông, giáp đất lâm nghiệp gia đình ông Mông Văn Chung, hiện gia đình ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị B quản lý và đất lâm nghiệp gia đình ông Hoàng Văn P, bà Lý Thị B đang quản lý chiều rộng lối mòn khoảng 50cm đến 60cm.

Khoảng năm 2005 hoặc năm 2006 gia đình ông H và gia đình ông bà thống nhất mở một lối đi trong đất lâm nghiệp của gia đình ông và gia đình ông H quản lý có chiều rộng từ 3,5m đến 4m để thuận tiện cho ô tô chở khai thác cây Keo, sau khi khai thác hết Keo và trồng vụ Keo mới thì lại trồng phủ kín lối đi đã mở, khoảng 5 đến 7 năm sau khi khai thác Keo nếu thấy chỗ nào thuận lợi cho việc vận chuyển, khai thác Keo

thì lại mở đường đi trong đất lâm nghiệp để chở Keo. Đối với yêu cầu của ông M, bà T được đi chung lối đi mà gia đình ông đã mở có chiều rộng là 3,5m chiều dài từ ngoài giáp đường liên thôn vào đến giáp đất lâm nghiệp gia đình ông H đang quản lý, có diện tích là 473m^2 thì ông bà không nhất trí vì lối đi mà gia đình ông bà tự mở là nằm trong diện tích đất lâm nghiệp của gia đình và gia đình ông bà chỉ mở lối đi theo thời vụ. Lối mòn theo rạch nước chảy vẫn còn đề nghị ông M bà T mở lối đi theo lối mòn đó.

Trong trường hợp ông M bà T mở lối đi giáp rạch nước chảy mà vào đất gia đình ông bà được cấp và có cây keo trồng trên đất, gia đình ông M, bà T đền bù giá trị đất và giá trị cây Keo để mở lối đi giáp rạch nước thì ông bà cũng không nhất trí. Vì ngoài lối mòn giáp rạch nước chảy và lối đi gia đình ông và ông H tự mở trong đất lâm nghiệp của gia đình thì còn một con đường mòn do một số hộ dân góp tiền mua đất tự mở rộng đường để ô tô chở Keo đi từ ngoài đường đi vào vào đến giáp đất lâm nghiệp gia đình ông M bà T, lối đi này rất thuận lợi cho gia đình ông M bà T. Nhưng các hộ dân đóng góp mở đường đều không cho ông M bà T đi vào con đường mà họ đã mở, do gia đình ông M, bà T có mâu thuẫn với các hộ dân đã mở con đường đó.

Vợ chồng ông M bà T yêu cầu gia đình ông bà phải cho ông M đi cùng lối đi ông bà đã mở trong đất lâm nghiệp thì ông bà không nhất trí, vì nếu ông M bà T đi trong đất lâm nghiệp sẽ gây khó khăn trong việc quản lý đất lâm nghiệp của gia đình ông bà.

2.2. Vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị B trình bày:

Khoảng năm 1997 đến năm 1998 vợ chồng ông có nhận chuyển nhượng của ông Mông Văn Lợi (theo địa phương ông Lợi được gọi là Mông Văn Chung theo tên của con gái ông Lợi), 01 lô đất lâm nghiệp cấp cho hộ Mông Văn Chung, thuộc lô 8, khoảnh 8 khu vực Khe Mấy, thôn Lái, xã An Bá, huyện S diện tích là 2,8ha (28.000m^2) với giá chuyển nhượng là 40.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy tờ chuyển nhượng nhưng không thông qua chính Q thôn, xã. Gia đình ông nhận đất lâm nghiệp tại thực địa và quản lý từ đó đến nay, năm 1999 khi được cấp đổi từ Giấy CNQSDĐ lâm nghiệp (Sổ bìa xanh) sang Giấy CNQSDĐ (sổ bìa đỏ), ông Lợi đã giao GCNQSDĐ trên cho gia đình ông quản lý.

Từ đất lâm nghiệp gia đình ông bà quản lý đi ra lối đi giáp bờ sông thì phải đi theo rạch nước chảy rộng khoảng 50cm đến 60cm giáp đất lâm nghiệp gia đình ông Mông Văn P. Còn từ đường đi giáp bờ sông đi vào đất lâm nghiệp gia đình ông Hoàng Văn M, bà La Thị T thì phải đi theo rạch nước chảy qua đất lâm nghiệp gia đình ông P, bà K quản lý, đất lâm nghiệp gia đình ông bà quản lý đến đất lâm nghiệp gia đình ông P, bà B quản lý mới đến đất lâm nghiệp gia đình ông M, bà T. Tất cả các hộ dân có đất lâm nghiệp phía bên trong từ khi nhận đất lâm nghiệp khoảng năm 1996 đều phải đi theo lối mòn là rạch nước chảy này. Trong quá trình sử dụng, gia đình ông bà với gia đình ông P thỏa thuận thống nhất là mở lối đi trong

đất lâm nghiệp của hai gia đình rộng từ 3,5m đến 4m để tiện cho việc vận chuyển khai thác cây Keo. Việc mở lối đi này là theo thời vụ, nghĩa là sau khi khai thác cây Keo xong, trồng vụ Keo mới đến khi khai thác vụ Keo sau nếu thấy thuận lợi ở chỗ nào thì lại mở lối đi ở đó.

Trong trường hợp ông M bà T mở lối đi giáp rạch nước chảy mà vào đất lân nghiệp gia đình ông bà đang quản lý có cây keo trồng trên đất, gia đình ông M, bà T đền bù giá trị đất và giá trị cây Keo để mở lối đi giáp rạch nước thì ông bà cũng không nhất trí. Vì ngoài lối mòn giáp rạch nước chảy và lối đi gia đình ông và ông P tự mở trong đất lâm nghiệp của gia đình thì còn một lối đi khác do rất nhiều hộ dân mở trên lối mòn đi vào giáp với đất lâm nghiệp gia đình ông M, bà T. Lối đi do nhiều hộ dân góp tiền mở đi vào đất gia đình ông M, bà T thuận lợi, nhưng những hộ dân có lối đi chung này cũng không cho gia đình ông M bà T đi vào con đường họ đã mở, lý do gia đình ông M bà T gây mâu thuẫn với nhiều gia đình trong thôn.

Vợ chồng ông M bà T yêu cầu gia đình ông bà phải cho ông M đi cùng lối đi ông bà đã mở trong đất lâm nghiệp thì ông bà không nhất trí, vì nếu ông M bà T đi trong đất lâm nghiệp sẽ gây khó khăn trong việc quản lý đất lâm nghiệp của gia đình ông bà.

2.3. Vợ chồng ông Hoàng Văn P (tức Hoàng Xuân P, Hoàng Văn Hơn) và bà Lý Thị B trình bày: Gia đình ông bà có một mảnh đất lâm nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất, thuộc lô 14, khoảnh 8 ở khu Khe Mấy, thôn Lái, xã An Bá, huyện S diện tích 2,9ha (29.000m^2) cấp cho hộ ông Hoàng Văn Hơn. Đất lâm nghiệp gia đình ông bà giáp đất lâm nghiệp gia đình Hoàng Văn M, bà La Thị T, muốn đi từ ngoài đường mòn giáp bờ sông vào đất gia đình ông bà phải đi theo lối mòn rạch nước chảy giáp đất lâm nghiệp gia đình ông Mông Văn P, đất lâm nghiệp gia đình ông Mông Văn Chung sau này gia đình ông Nguyễn Văn H quản lý sử dụng đến đất lâm nghiệp gia đình ông bà đang quản lý, chiều rộng lối mòn khoảng 50cm đến 60cm rồi mới đến đất lâm nghiệp gia đình ông Hoàng Văn M bà La Thị T. Đối với giấy CNQSDĐ lâm nghiệp cấp cho lô 14, khoảnh 8 khu vực Khe Mấy, thôn Lái, xã An Bá cấp cho hộ Hoàng Văn Hơn, ông bà xác đã cho con cái mượn để đi vay tiền làm nhà hay thất lạc không rõ ở đâu nên không thể cung cấp giấy CNQSDĐ lâm nghiệp trên cho Tòa án được.

Khoảng năm 2005 đến năm 2006 gia đình P, gia đình ông H mở một lối đi trong đất lâm nghiệp của gia đình ông P, ông H có chiều rộng từ 3,5m đến 4m để thuận tiện cho việc ô tô chở Keo, gia đình ông bà vẫn chở Keo theo con đường gia đình ông P, gia đình ông H mở, gia đình ông bà chưa mở lối đi trong đất. Đối với yêu cầu của ông M, bà T được mở lối đi trên đất lâm nghiệp gia đình ông bà có chiều rộng là 3,5m từ giáp đất gia đình ông H, chiều dài từ ngoài vào đến đất lâm nghiệp gia đình ông M bà T có

diện tích là 96m^2 thì ông bà không nhất trí vì lối đi mà gia đình ông M bà T đề nghị là nằm trong diện tích đất lâm nghiệp gia đình ông bà quản lý, mặc dù ông Hoàng Văn M là em trai ruột của ông. Lối mòn theo rạch nước chảy vẫn còn đề nghị ông M bà T mở lối đi theo lối mòn đó.

Trong trường hợp ông M bà T mở lối đi giáp rạch nước chảy mà vào đất lâm nghiệp gia đình ông bà đang quản lý, gia đình ông M, bà T đền bù giá trị đất để mở lối đi giáp rạch nước thì ông bà cũng không nhất trí. Vì ngoài lối mòn giáp rạch nước chảy và lối đi gia đình P và ông H tự mở trong đất lâm nghiệp thì còn một con đường mòn do một số hộ dân (21 hộ) góp tiền mua đất mở rộng đường đi, lối đi này ô tô chở Keo đi từ ngoài đường vào đến giáp đất lâm nghiệp gia đình ông M bà T và đi vào sâu bên trong cho khoảng gần 20 hộ dân có đất lâm nghiệp chở cây Keo nên rất thuận lợi. Nhưng các hộ dân tham gia đóng góp tiền mở đường đều không đồng ý cho ông M bà T đi vào con đường họ đã mở. Lý do, gia đình ông M có mâu thuẫn với các hộ dân đóng tiền mở đường nên họ không cho đi cùng.

Vợ chồng ông M bà T yêu cầu gia đình ông bà phải mở lối đi trong đất lâm nghiệp để gia đình ông M bà T đi qua ông bà không nhất trí, vì nếu ông M bà T đi trong đất lâm nghiệp của gia đình ông bà sẽ gây khó khăn trong việc quản lý đất lâm nghiệp của gia đình.

3. Những người có Q lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1. Bà La Thị N trình bày: Khoảng năm 1995 vợ chồng bà Mông Văn Lợi, bà La Thị N được giao 01 lô đất lâm nghiệp diện tích 2,8ha thuộc lô 8, khoảnh 8 khu vực Khe Mấy, thôn Lái, xã An Bá, huyện S. Đất được cấp giấy CNQSDĐ lâm nghiệp đứng tên Mông Văn Chung (Chung là con gái bà tên là Mông Thị Chung) theo tập tục tại địa phương bố thường gọi tên con. Khoảng năm 1997 hoặc năm 1998 ông Mông Văn Lợi chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H thửa đất trên với giá 40.000.000 đồng, năm 2009 ông Mông Văn Lợi chết.

Quan điểm của bà N là mảnh đất trên gia đình bà đã chuyển nhượng cho gia đình ông H rồi, nên việc cho ông M bà T đi qua đất hay không là do gia đình ông H quyết định. Trong trường hợp đất lâm nghiệp thuộc lô 8, khoảnh 8 là của gia đình bà thì bà cũng không đồng ý cho ông M bà T đi trong đất lâm nghiệp vì gia đình ông M bà T sống không có tình làng nghĩa xóm. Bà La Thị N có đơn đề nghị Tòa án tiến hành không hòa giải, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà tại phiên tòa.

3.2. Ông Dương Văn Q trình bày: Đối với đất lâm nghiệp thuộc lô 9 khoảnh 8 diện tích 1,4ha khu vực Khe Mấy là của bố mẹ ông. Năm 2005 bố mẹ ông đã tặng cho ông quản lý sử dụng lô đất trên để trồng cây Keo, do là bố con trong gia đình nên không có

giấy tờ chuyển nhượng, nhưng ông đã được bố mẹ giao quản lý đất và giấy CNQSDĐ lâm nghiệp từ năm 2005 đến nay.

Ông đã được đọc biên bản thẩm định tài sản ngày 28/7/2021 của Tòa án thì trong biên bản thể hiện đất lâm nghiệp gia đình ông Hoàng Văn P bà Lý Thị B đang quản lý thì diện tích đất lâm nghiệp gia đình ông M bà T đề nghị được mở lối đi nằm trong lô 9 khoảnh 8 cấp cho gia đình ông, mà ông là người đang trực tiếp quản lý sử dụng. Đối với yêu cầu của ông M bà T được mở lối đi trên đất gia đình ông mà gia đình ông P đang quản lý thì ông không nhất trí cho ông M, bà T mở lối đi qua. Lý do gia đình bà T gây mất đoàn kết trong thôn xóm, thường xuyên kiện tụng với người dân trong thôn.

4. Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/02/2021 và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/7/2021 xác định:

4.1. Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/02/2021 được đo đạc bằng máy điện tử xác định:

Lối đi do gia đình ông Hoàng Văn M bà La Thị T đề nghị mở trên đất lâm nghiệp gia đình ông Mông Văn P bà Trần Thị K. Diện tích lối đi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải mở là 473m^2 trên đất không trồng cây lâm nghiệp.

Lối đi do gia đình ông M bà T đề nghị mở trên đất lâm nghiệp gia đình ông Nguyễn Văn H bà Hoàng Thị B đang quản lý. Diện tích lối đi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải mở là 524m^2 trên đất không trồng cây lâm nghiệp.

Lối đi do gia đình ông M bà T đề nghị mở trên đất lâm nghiệp gia đình ông Hoàng Văn P bà Lý Thị B. Diện tích lối đi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải mở là 96m^2, trên đất có 08 cây Keo đường kính gốc từ 5cm đến dưới 10cm; 15 cây Keo không trồng cây Keo đường kính gốc từ 3cm đến dưới 5cm.

4.2 Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/7/2021 được đo đạc bằng máy định vị GPRS xác định:

Lối đi do gia đình ông Hoàng Văn M bà La Thị T đề nghị mở trên đất lâm nghiệp gia đình ông Mông Văn P bà Trần Thị K. Diện tích lối đi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải mở là 398,4m^2 trên đất không trồng cây lâm nghiệp.

Lối đi do gia đình ông M bà T đề nghị mở trên đất lâm nghiệp gia đình ông Nguyễn Văn H bà Hoàng Thị B đang quản lý. Diện tích lối đi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải mở là 717,2m^2. Trên đoạn giáp đất lâm nghiệp ông Hoàng Văn P đang quản lý có 08 cây Keo đường kính gốc từ 3cm đến dưới 5cm; 17 cây Keo không trồng cây Keo đường kính gốc từ 5cm đến dưới 10cm.

Lối đi do gia đình ông M bà T đề nghị mở trên đất lâm nghiệp gia đình ông Hoàng Văn P bà Lý Thị B. Diện tích lối đi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải mở là 67,1m^2, trên đất không có cây Keo do gia đình ông P đã khai thác hết.

Theo cơ quan đo đạc xác định do đương sự chỉ đo đạc có sự thay đổi, nên tọa độ, điểm của lần đo đạc trước và lần đo đạc sau bị thay đổi dẫn đến diện tích đất lối đi theo yêu cầu của ông M, bà T hai lần thẩm định bị thay đổi, diện tích đề nghị không giống nhau.

5. Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vợ chồng ông Hoàng Văn M, bà La Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên ý kiến như đã trình bày là yêu cầu các gia đình ông Mông Văn P, gia đình ông Nguyễn Văn H; gia đình ông Hoàng Văn P phải mở lối trên đất lâm nghiệp như vợ chồng ông bà đã đề nghị. Đề nghị một số hộ có đất lâm nghiệp phía bên trong phải đi theo lối đi ông H, ông P mở đóng góp tiền cùng gia đình bà để được đi trên đất. Đối với lối đi giáp rạch nước chảy, lối đi do 21 hộ dân mở đến giáp đất lâm nghiệp gia đình ông bà quản lý thì ông M bà T không đề nghị được đi trên 02 lối đi này.

Do có nội dung trên, bản ándân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 03/8/2021 của Toà án nhân dân huyện S đã quyết định:

Áp dụng Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 245, Điều 248, Điều 254 của Bộ luật Dân sự. Điều 171, Điều 203, của Luật Đất đai 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc H quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Hoàng Văn M, bà La Thị T về việc yêu cầu mở lối đi trên đất lâm nghiệp của gia đình ông Mông Văn P bà Trần Thị K đang quản lý thuộc lô 6, khoảnh 8 khu Vực Khe Mấy, thôn Lái, xã An Bá, huyện S, tỉnh B.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Hoàng Văn M, bà La Thị T về việc yêu cầu mở lối đi trên đất lâm nghiệp của gia đình ông Nguyễn Văn H bà Hoàng Thị B đang quản lý thuộc lô 8, khoảnh 8 khu Vực Khe Mấy, thôn Lái, xã An Bá, huyện S, tỉnh B.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Hoàng Văn M, bà La Thị T về việc yêu cầu mở lối đi trên đất lâm nghiệp của gia đình ông Hoàng Văn P (tức Hoàng Xuân P, Hoàng Văn Hơn) bà Lý Thị B đang quản lý thuộc lô 9, khoảnh 8 khu Vực Khe Mấy, thôn Lái, xã An Bá, huyện S, tỉnh B.

(Có sơ đồ kèm theo)

2. Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông Hoàng Văn M, bà La Thị T phải chịu 7.622.000đ (Bẩy triệu triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng) chi phí thẩm định, định giá tài sản và chi phí đo đạc. Xác nhận vợ chồng M, bà T đã nộp đủ số tiền 7.622.000đ (Bẩy triệu triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng). Ông M bà T không phải nộp thêm chi phí tố tụng.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông Hoàng Văn M, bà La Thị T (thuộc đối Tợng dân tộc thiểu số và hộ cận nghèo).

Ngoài ra bản án còn tuyên Q kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/8/2021, bà La Thị T và ông Hoàng Văn M là nguyên đơn có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 31/12/2021, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Bị đơn và những người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bà La Thị T và ông Hoàng Văn M thống nhất trình bày: Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, bà là không đúng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến Q và lợi ích hợp pháp của ông, bà. Lối đi ông, bà yêu cầu mở là lối đi có sẵn nhưng các bị đơn không đồng ý cho ông bà chở gỗ qua. Hiện tại, gỗ nhà ông, bà đã đến thời kỳ thu hoạch, nhưng không thể khai thác vì không có lối cho xe ô tô vào chở gỗ. Lối đi cũ qua rạch nước không có phương tiện nào qua được vì đã bị sạt lở và phải chui qua cống. Kết quả xem xét thẩm định ở cấp sơ thẩm là không đúng thực tế, ông bà đề nghị xem xét, thẩm định lại.

H đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu, chứng cứ.

Tại Biên bản làm việc ngày 09/5/2022, đại diện UBND xã An Bá cung cấp: Gia đình bà la Thị T và ông Hoàng Văn M có một lô đất nông nghiệp đã trồng cây nhiều năm, đến tuổi khai thác nhưng không có đường ô tô đi vào chở cây keo khai thác. Gia đình ông M, bà T đã làm đơn yêu cầu mở lối đi, UBND xã đã hòa giải giữa các hộ dân nhưng không thành. Gia đình ông Mông Văn P, gia đình ông Nông Văn H và gia đình ông Hoàng Văn P đã để lại một phần đất ở chân đồi của gia đình mình mở đường làm lối đi có chiều rộng trung B 3,5m đi ra đến đường bê tông liên thôn (3 hộ cùng đi).

Theo kết quả xem xét thẩm định, đo đạc ngày 9/5/2022:

Phần đất hiện nay gia đình ông M, bà T yêu cầu mở lối đi thì hiện các bị đơn đang sử dụng làm lối đi, cụ thể phần đất của từng hộ như sau:

- Ông Mông Văn P và bà Trần Thị K đã mở đường làm lối đi có chiều rộng 3,5m, chiều dài một cạnh là 110,4m; một cạnh là 110,7m, diện tích phần lối đi là 389,5m^2;

- Ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị B đã mở đường làm lối đi chia 2 đoạn: đoạn 1 có chiều rộng 3,5, chiều dài một cạnh là 167,32m; một cạnh là 168,3m, diện tích 675,5m^2; đoạn 2 có chiều rộng 3,5m, chiều dài một cạnh là 14,6m; một cạnh là 14,33m, diện tích là 41,7m$^{2;}$ tổng diện tích hai đoạn là 717,2m^2;

- Ông Hoàng văn P (tên khác là Hoàng Xuân P) và bà Lý Thị B đã mở đường làm lối đi, chiều rộng 3,5m x chiều dài một cạnh là 14,33m, một cạnh là 21,5m = 67,1m.

Đối với lối đi đường mòn đi bộ theo rạch nước chảy dưới chân đồi từ những năm trước, hiện đã xuống cấp, hư hỏng, không thể mở làm đường đi lại và cho xe vận chuyển được. Gia đình ông M, bà T yêu cầu mở lối đi qua đất của gia đình ông H, ông P và ông P là hợp lý nhất.

Tại phiên tòa ngày 31/5/2022:

Các bị đơn, người có Q lợi nghĩa vụ liên quan tiếp tục vắng mặt.

Bà La Thị T và ông Hoàng Văn M trình bày: Ông bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo. Ông, bà xin chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản; đồng ý thanh toán giá trị phần đất làm lối đi như sơ đồ đo vẽ đã thể hiện. Phần đất nào chỉ có nhà ông, bà đi qua thì ông bà đồng ý thanh toán toàn bộ cho chủ đất. Phần đất nào có các hộ khác cùng đi qua thì ông, bà đồng ý chia đều cho các hộ để thanh toán theo phần. Ông bà nhất trí với kết quả định giá của Tòa sơ thẩm đã xác định 12.000 đồng/1m^2 đất lâm nghiệp. Trên phần đất ông, bà yêu cầu làm lối đi không có cây cối, tài sản gì.

Đại diện VKSND tỉnh B phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh B và nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị H đồng xét xử phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh B áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của bà La Thị T và ông Hoàng Văn M, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà La Thị T và ông Hoàng Văn M; giải quyết về chi phí tố tụng, án phí theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà T, ông M được chấp nhận nên không buộc họ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, H đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Bị đơn và người có Q lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ ba. Do

vậy, Tòa án xét xử vắng mặt họ là đảm bảo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà la Thị T và ông Hoàng Văn Quang:

Ông Hoàng Văn M, bà La Thị T được UBND huyện S giao 01 mảnh đất lâm nghiệp diện tích 2,7ha (27.000m^2) thuộc lô 11, khoảnh 8 khu vực Khe Mấy, thôn Lái, xã An Bá từ năm 1996 đã được cấp gấy CNQSDĐ lâm nghiệp (sổ bìa xanh), được cấp đổi từ giấy CNQSDĐ lâm nghiệp (Sổ bìa xanh) sang Giấy CNQSDĐ (Sổ bìa đỏ) ngày 31/01/1999 đúng diện tích, lô khoảnh được giao. Năm 2012 gia đình ông bà đã trồng cây Keo phủ kín diện tích đất được Nhà nước giao. Thửa đất lâm nghiệp của ông M, bà T được giao và hiện đang quản lý nằm ở phía bên trong, không có lối đi vào. Gia đình ông M, bà T trồng cây lâm nghiệp đã nhiều năm, đến tuổi khai thác nhưng không có đường cho ô tô đi vào để khai thác.

Gia đình ông M, bà T yêu cầu mở lối đi qua các thửa đất sau:

- Đất lâm nghiệp của ông Mông Văn P và bà Trần Thị K: 01 thửa đất lâm nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất thuộc lô 6, khoảnh 8 khu Khe Mấy, thôn Lái, xã An Bá, huyện S, tiện tích 02 ha.

- Đất lâm nghiệp của ông Nguyễn Văn H, bà Hoàng Thị B: 01 thửa đất lâm nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất, thuộc lô 8, khoảnh 8 khu Khe Mấy, thôn Lái, xã An Bá, huyện S, tiện tích 2,8 ha.

- Đất lâm nghiệp của ông Hoàng Văn P (tên khác Hoàng Xuân P), bà Lý Thị B: 01 thửa đất lâm nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất, thuộc lô 14, khoảnh 8 khu Khe Mấy, thôn Lái, xã An Bá, huyện S, tiện tích 02 ha.

Căn cứ kết quả làm việc với UBND xã An Bá và kết quả xem xét thẩm định ngày 9/5/2022, đủ cơ sở xác định: Phần đất hiện nay ông M, bà T yêu cầu mở lối đi thì hiện các gia đình ông Mông Văn P, ông Nông Văn H và ông Hoàng Văn P đang mở làm đường đi. Lối đi này là lối đi thuận tiện nhất để đi lại và vận chuyển gỗ từ rừng của gia đình ông M, bà T ra đường liên thôn (bê tông). Đối với lối đi cũ (lối đi qua đất nhà ông Mông Văn Tiến theo rạch nước chảy dưới dân đồi) thì hiện hiện đã xuống cấp, hư hỏng, không thể mở làm đường đi lại và cho xe vận chuyển được.

Theo quy định tại Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015:

"Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có Q yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ.

Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi.

Chủ sở hữu bất động sản hưởng Q về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng Q, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

Như vậy, yêu cầu của ông M, bà T về việc mở lối đi qua đất hộ ông Mông Văn P, ông Nguyễn Văn H, ông Hoàng Văn P với chiều rộng trung B 3,5m kéo dài từ đất lâm nghiệp gia đình ông M, bà T đến đường liên thôn (đường bê tông) để vận chuyển khai thác gỗ là yêu cầu chính đáng, phù hợp với Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, ông M là không đúng, ảnh hưởng đến Q và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của ông M và bà T, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của ông M, bà T; buộc các bị đơn phải mở lối đi từ đường bê tông vào thửa đất lâm nghiệp thuộc lô 11, khoảng 8, khu Khe Mấy, thôn Lái, xã An Bá, huyện S, tỉnh B.

Theo quy định tại Điều 254 của Bộ luật Dân sự 2015, ông M, bà T phải có trách nhiệm đền bù các bị đơn số tiền phù hợp với giá trị phần đất được lấy làm lối đi. Cụ thể:

- Lối đi qua thửa đất lâm nghiệp thuộc lô 6, khoảnh 8 của ông Mông Văn P và bà Trần Thị K có chiều rộng 3,5m, chiều dài một cạnh là 110,4m; chiều dài một cạnh là 110,7m; diện tích phần lối đi là 389,5m^2. Lối đi này do 3 hộ (hộ ông H, hộ bà T, hộ ông P) cùng sử dụng nên ông M, bà T có trách nhiệm thanh toán 1/3 giá trị Q sử dụng đất dùng để mở lối đi. Số tiền ông M, bà T phải thanh toán cho gia đình ông P là: (389,5m^2 x 12.000 đồng) : 3 = 1.558.000 đồng

- Lối đi qua thửa đất lâm nghiệp thuộc lô 8 khoảng 8 của ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị B có tổng diện tích 717,2m^2 chia thành 2 đoạn:

+ đoạn 1: có chiều rộng 3,5, chiều dài một cạnh là 167,32m; chiều dài một cạnh là 168,3m, diện tích là 675,5m^2;

+ đoạn 2 có chiều rộng 3,5m x chiều dài một cạnh là 14,6m; chiều dài một cạnh là 14,33m, diện tích 41,7m^2;

Lối đi này do gia đình ông P và gia đình bà T cùng sử dụng nên ông M, bà T có trách nhiệm đền bù 1/2 giá trị Q sử dụng đất dùng để mở lối đi. Số tiền ông M, bà T phải trả cho ông H, bà B là: (717,2m^2 x 12.000 đồng) : 2 = 4.303.200 đồng.

- Lối đi qua thửa đất lâm nghiệp thuộc lô 14, khoảnh 8 của ông Hoàng Văn P và bà Lý Thị B có chiều rộng 3,5m, chiều dài một cạnh là 22,85m, chiều dài một cạnh là 21,75m;

diện tích là 67,1m^2. Ông M, bà T có trách nhiệm đền bù cho ông P, bà B số tiền là: 67, 1m^2 x 12.000 đồng = 805.200 đồng.

(Theo sơ đồ đo vẽ ngày 9/5/2022)

[3]. Về chi phí tố tụng: Ông M, bà T nhận chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Xác nhận ông M, bà T đã nộp đầy đủ chi phí tố tụng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tất cả các đương sự đều là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã H đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bà T, ông M được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp kháng cáo của bà La Thị T và ông Hoàng Văn M, sửa bản án sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 03/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh B.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, Điều 166, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 và khoản 3 Điều 228, Điều 229, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 245, Điều 246, Điều 247, Điều 248, Điều 254, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 và khoản 2 Điều 170, Điều 171, Điều 202, Điều 203 của Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà La Thị T và ông Hoàng Văn M.

1.1. Buộc ông Mông Văn P và bà Trần Thị K phải dành cho bà La Thị T và ông Hoàng Văn M một lối đi có diện tích 389,5m^2 thuộc lô 6 khoảnh 8 khu Khe Mấy, thôn Lái, xã An Bá, huyện S, tỉnh B. Lối đi là đường gấp khúc, có chiều rộng 3,5m, chiều dài một cạnh là 110,4m; chiều dài một cạnh là 110,7m (Ký hiệu S1 trong sơ đồ kèm theo bản án).

1.2. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị B phải dành cho bà La Thị T và ông Hoàng Văn M một lối đi có tổng diện tích 717,2m^2 thuộc lô 8 khoảnh 8 địa chỉ khu Khe Mấy, thôn Lái, xã An Bá, huyện S, tỉnh B. Lối đi là đường gấp khúc chia làm hai đoạn: đoạn 1: có chiều rộng 3,5, chiều dài một cạnh là 167,32m; chiều dài một cạnh là 168,3m, diện tích là 675,5m^2 (ký hiệu S2 trong sơ đồ kèm theo bản án); đoạn 2 có chiều

rộng 3,5m, chiều dài một cạnh là 14,6m; chiều dài một cạnh là 14,33m, diện tích 41,7m^2(Ký hiệu S3 trong sơ đồ kèm theo bản án).

1.3. Buộc ông Hoàng Văn P (tên gọi khác là Hoàng Xuân P) và bà Lý Thị B phải dành cho bà La Thị T và ông Hoàng Văn M một lối đi có diện tích 67,1m^2 thuộc lô 14 khoảnh 8 khu Khe Mấy, thôn Lái, xã An Bá, huyện S, tỉnh B. Lối đi là đường gấp khúc có chiều rộng 3,5m, chiều dài một cạnh là 22.82m, chiều dài một cạnh là 21,75m (ký hiệu S4 trong sơ đồ kèm theo bản án).

2. Buộc bà La Thị T và ông Hoàng Văn M phải thanh toán cho ông Hoàng Văn P (tên khác là Hoàng Xuân P) và bà Lý Thị B số tiền 805.200 đồng; phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị B số tiền 4.303.200 đồng; phải thanh toán cho ông Mông Văn P và bà Trần Thị K số tiền 1.558.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có Q chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về chi phí tố tụng: bà La Thị T và ông Hoàng Văn M chịu chi phí xem xét thẩm định, định giá là 9.022.000 đồng. Xác nhận bà T và ông M đã nộp đủ chi phí tố tụng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà La Thị T và ông Hoàng Văn M; ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị B; ông Mông Văn P và bà Trần Thị K; ông Hoàng Văn P và bà Lý Thị B.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà La Thị T và ông Hoàng Văn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Có sơ đồ hiện trạng lối đi theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 9/5/2022 kèm theo bản án).

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Ngữ Nguyễn Xuân Thạo Nguyễn Thị Hương Giang